

GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PHAN THỊ CẨM GIANG*

Cơ cấu kinh tế của một quốc gia không những thể hiện đặc điểm của nền kinh tế đó mà còn thể hiện trình độ phát triển của nền kinh tế. Một cơ cấu kinh tế hiện đại báo hiệu quốc gia đó có trình độ phát triển kinh tế cao. Hiện nay xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế chung trên toàn thế giới là tăng dần tỷ trọng của công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng của ngành nông nghiệp.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự thay đổi của cơ cấu kinh tế từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với môi trường phát triển của lực lượng sản xuất, thúc đẩy phân công lao động xã hội. Cơ cấu thành phần kinh tế cũng là một nhân tố tác động đến cơ cấu kinh tế và cơ cấu vùng lãnh thổ trong quá trình phát triển.

1. Vai trò, vị trí và tầm quan trọng của đồng bằng sông Cửu Long

Vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có đặc điểm tự nhiên nổi bật ít có trên thế giới với gần một nửa diện tích bị ngập lũ từ 3 - 4 tháng mỗi năm, là hạn chế lớn đối với canh tác nông nghiệp, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống của dân cư. Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất và nước là vấn đề cốt lõi nhất, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái ở ĐBSCL.

ĐBSCL có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, có tiềm năng lớn nhất để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, phát triển vườn cây ăn trái đem lại giá trị xuất khẩu lớn cho cả nước và mở rộng giao lưu với khu vực và thế giới. ĐBSCL gồm 13 tỉnh/thành, với

diện tích đất liền 40.548 km² (chiếm 12,1% diện tích cả nước), có hải phận rộng trên 360 nghìn km², dân số năm 2011 khoảng 17.330.900 triệu người (bằng 21% dân số cả nước)¹. ĐBSCL có đặc điểm tự nhiên nổi bật ít có trên thế giới với gần một nửa diện tích bị ngập lũ từ 3-4 tháng mỗi năm, là hạn chế lớn đối với canh tác nông nghiệp, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống của dân cư. Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất và nước là vấn đề cốt lõi nhất, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái ở ĐBSCL. Thủy- hải sản là nguồn lợi kinh tế lớn và quan trọng của vùng ven biển. Những năm gần đây, việc phát triển nhanh chóng diện tích nuôi tôm tự phát không theo quy hoạch chung, thiếu các giải pháp kỹ thuật đã gây nhiều thiệt hại cho lâm nghiệp, nông nghiệp và ảnh hưởng xấu tới môi trường, không những gây suy thoái môi trường ngay tại các khu vực chuyển đổi mà còn làm tăng mức độ lan truyền mặn sâu vào nội đồng. Nhiều khu vực sự lan truyền ô nhiễm diễn ra không kiểm soát được. Việc sút giảm diện tích và suy thoái chất lượng rừng ngập mặn gây hậu quả nghiêm trọng, là một trong những nguyên nhân chính của vấn đề xói lở bờ biển, cửa sông, ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của thủy hải sản ven biển. Cung cấp nước sạch cho sinh hoạt, xử lý ô nhiễm từ các khu công nghiệp, từ các vùng chuyên canh thủy sản, gìn giữ và bảo vệ môi trường là vấn đề sống còn đối với phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Hiện nay, kinh tế nông nghiệp vùng ĐBSCL

¹ Niên giám thống kê 2010 - 2011 và 2012 của Tổng cục Thống kê

đã hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh với lợi thế có các sản phẩm chủ lực của vùng là lúa gạo, thủy sản, trái cây. Nhờ đó, khu vực sản xuất nông nghiệp tăng trưởng bình quân 6,9%/năm. Thu nhập mỗi héc-ta đất sản xuất nông nghiệp từ hơn 20 triệu đồng trước đây nay tăng lên 39 triệu đồng. Năng suất lúa từ 4,3 tấn/ha tăng lên 6,3 tấn/ha, sản lượng lúa từ 12,8 triệu tấn (năm 1995) tăng lên 24,5 triệu tấn (năm 2012). Hàng năm, ĐBSCL xuất khẩu trên 6 triệu tấn gạo, trị giá trên 3 tỷ USD².

Thủy sản cũng là ngành phát triển mạnh trong những năm qua và trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước với gần 800.000ha (tăng 500.000ha so với 10 năm trước). Các mặt hàng tôm, cá tra đã trở thành một trong những ngành kinh tế chiến lược của quốc gia. Sản lượng cá tra của ĐBSCL đã vượt hơn 1 triệu tấn/năm, với kim ngạch xuất khẩu khoảng 1,4 tỷ USD. Sản lượng tôm cũng chiếm 80% và đóng góp 60% kim ngạch xuất khẩu tôm của cả nước.

Cùng với phát triển nông nghiệp, ĐBSCL cũng quan tâm đầu tư tới lĩnh vực công nghiệp. Toàn Vùng tập trung khai thác các lĩnh vực thế mạnh như chế biến nông, thủy sản và bước đầu phát triển công nghiệp dầu khí, năng lượng, nhiệt điện và cơ khí. Đến năm 2012, sản xuất công nghiệp toàn Vùng đạt giá trị 157.000 tỷ đồng, tăng 16,4% so năm 2011. Hiện nhiều dự án lớn như Trung tâm Khí-Điện-Đạm Cà Mau, Trung tâm nhiệt điện Ô Môn (Cần Thơ), Nhà máy điện Duyên Hải (Trà Vinh), Nhà máy nhiệt điện Long Phú (Sóc Trăng), Trung tâm nhiệt điện sông Hậu (Hậu Giang), đường ống dẫn khí Lô B-Ô Môn đã và đang được triển khai xây dựng.

Trong hoạt động thương mại, ĐBSCL đã phát triển khá tốt các kênh lưu thông phân phối với hệ thống chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ. Mấy năm gần đây, các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước được đẩy mạnh, góp phần khai thác tốt thị trường nội

địa và mở rộng thị trường xuất khẩu hữu hiệu hơn. Trong năm 2012, giá trị bán lẻ hàng hóa đạt trên 456.000 tỷ đồng, tăng 25% so năm 2011, giá trị hàng xuất khẩu đạt 9,8 tỷ USD, tăng ba lần so 10 năm trước³.

Năm 2012 là năm đầu tiên sau 20 năm Việt Nam có thặng dư cán cân thương mại (284 triệu USD) chủ yếu nhờ xuất khẩu nông sản và xuất khẩu của các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài. Xuất khẩu nông sản đạt mức kỷ lục 27,5 tỷ USD và đạt thặng dư xuất khẩu ròng 10,6 tỷ USD trong năm 2012.

Với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân từ nay đến năm 2020 của vùng đạt 12-13%/năm; tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP giảm xuống còn 30-32%, công nghiệp-xây dựng tăng lên 35-36%, khu vực thương mại-dịch vụ 35-36%, ĐBSCL tập trung phát triển một số lĩnh vực trọng tâm⁴ và tiếp tục huy động nhiều nguồn lực để phát triển nhanh, đồng bộ hệ thống hạ tầng cơ sở nhằm tạo đột phá thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Bên cạnh đó, các tỉnh ĐBSCL đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch trong và ngoài nước; huy động sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của các thành phần kinh tế; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh phát triển.

Đồng thời, các cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách riêng cho ĐBSCL về thu hút đầu tư, phát triển nông nghiệp và nguồn nhân lực. ĐBSCL đẩy mạnh chương trình hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh, thành phố trong vùng ĐBSCL và với Thành phố Hồ Chí Minh, miền Đông Nam Bộ, cả nước và nước ngoài nhằm tạo nguồn lực thúc đẩy vùng ĐBSCL phát triển xứng tầm.

Riêng đối với nông nghiệp, ĐBSCL giữ vững vai trò là trung tâm lúa gạo của cả nước.

³ Đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Báo Sài Gòn giải phóng - Góc nhìn chuyên gia ngày 18 tháng 12 năm 2013

⁴ Đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Báo Sài Gòn giải phóng - Góc nhìn chuyên gia ngày 18 tháng 12 năm 2013

² Niên giám thống kê 2010 - 2011 và 2012 của Tổng cục Thống kê

Từ nay đến năm 2020, ĐBSCL phấn đấu chuyển toàn bộ các cây con sang giống mới, có chất lượng cao; hình thành những trung tâm cây ăn trái, lúa, tôm, cá, cây công nghiệp ngắn ngày; giảm tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch còn 3,5% bằng cách đầu tư mạnh cho công nghiệp bảo quản sau thu hoạch.

ĐBSCL đổi mới công nghệ để chế biến sản phẩm tinh, đạt tiêu chuẩn quốc tế, có thể đưa thẳng vào siêu thị đồng thời đưa vào sản xuất một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của ĐBSCL bằng công nghệ hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới và xây dựng một số viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ có trình độ cao làm nòng cốt giải quyết những vấn đề khoa học, công nghệ liên quan đến nông nghiệp của Vùng.

2. Những hạn chế và nguyên nhân trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng ĐBSCL hiện nay

Mặc dù đạt được những thành tựu đáng kể và có đóng góp tích cực cho việc duy trì ổn định kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2010 - 2015 của toàn vùng ĐBSCL, nhưng tăng trưởng nông nghiệp vẫn chủ yếu dựa vào việc khai thác tài nguyên thiên nhiên (tăng diện tích đất, thâm dụng nước tưới để tăng vụ...) cùng mức sử dụng vật tư đầu vào cao nhưng hàm lượng đổi mới công nghệ và thể chế thấp. Chất lượng tăng trưởng thấp được biểu hiện ở mức tổn thất sau thu hoạch cao, chất lượng sản phẩm không đồng đều, vệ sinh an toàn thực phẩm không đảm bảo, khả năng tạo giá trị mới thấp.

Vì vậy, sau một thời gian dài khởi sắc, tăng trưởng nông nghiệp đã bắt đầu chững lại trong thời gian gần đây, giảm từ 4,5% năm 1995 - 2000 còn 3,8% giai đoạn 2000 - 2005; rồi 3,4% giai đoạn 2006 - 2011 và chỉ còn 2,7% trong năm 2012 - 2014. Những yếu kém, hạn chế và nguyên nhân của vùng ĐBSCL như sau:

(1) Vùng ĐBSCL có nhiều hạn chế trong phát triển, mạng lưới kết cấu hạ tầng yếu kém, trình độ dân trí thấp so với bình quân cả nước. Vùng thường xuyên bị ảnh hưởng của lũ lụt, nền đất yếu, suất đầu tư xây dựng cao. Địa

hình của vùng bị chia cắt bởi hệ thống sông rạch chằng chịt, phải xây dựng nhiều cầu đối với giao thông đường bộ. Vùng ĐBSCL có gần một nửa diện tích bị ngập lũ từ 3 đến 4 tháng mỗi năm; có tới 60 vạn ha đất nhiễm phèn và trên 70 vạn ha đất nhiễm mặn, muốn cải tạo phải đầu tư rất lớn; cốt đất thấp thường bị ngập lụt trên diện rộng, dài ngày.

(2) Chất lượng nguồn nhân lực của Vùng còn thấp, lao động thiếu việc làm còn lớn so với mức bình quân cả nước.

- Các chỉ số về giáo dục, đào tạo, dạy nghề trong Vùng còn thấp xa so với mức bình quân chung của cả nước. Khoảng 10% số người trên 10 tuổi chưa biết chữ; 45% lực lượng lao động nông thôn chưa hoàn tất bất kỳ bậc học nào...

Có nhiều nguyên nhân, trong đó có thiếu tương đồng cho đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo (dân số chiếm khoảng 21% nhưng phân bổ ngân sách giáo dục quốc gia năm cao nhất cũng chỉ khoảng 17,5% so với cả nước).

- Thiếu việc làm, thu nhập thấp và sự nghèo khó trong đời sống vật chất đang thường xuyên đe dọa cho khoảng 20% dân cư thuộc diện nghèo trong Vùng⁵

- Chất lượng chăm sóc sức khỏe và mức độ hưởng thụ văn hoá nghệ thuật thấp và tồn tại sự chênh lệch giữa đô thị và nông thôn, giữa vùng phát triển và vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Những tiêu cực trong đời sống xã hội như trật tự an toàn giao thông, bạo hành trong gia đình, xúc phạm nhân cách phụ nữ, trẻ em..., hàng loạt người trẻ đi tìm cách mưu sinh xứ lạ quê người, chủ yếu bằng lao động phổ thông với gần như làm bất cứ việc gì, kể cả những công việc nhay cảm...

(3) Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, môi trường sinh thái xuống cấp, ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống dân cư trong Vùng.

- Trong thời gian qua, mặc dù đã được quan

⁵ Bộ GTVT - Viện Chiến lược và phát triển GTVT-Trung tâm nghiên cứu phát triển giao thông địa phương: "Báo cáo qui hoạch tổng thể vùng ĐBSCL ngày 20/12/2013"

tâm đầu tư, nâng cấp, nhìn chung hệ thống kết cấu hạ tầng của Vùng vẫn còn hạn chế, nhất là mạng lưới giao thông, hệ thống thủy lợi, cơ sở trường lớp... QL 1A luôn trong tình trạng quá tải. Hệ thống giao thông thủy, cảng biển, cảng sông... chậm được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Mạng lưới cấp điện, bưu chính - viễn thông, cấp thoát nước cũng như mạng lưới cơ sở khám chữa bệnh, hạ tầng văn hoá thông tin, thể dục - thể thao... đã được đầu tư nâng cấp nhưng nhìn chung vẫn còn thấp kém hơn so với các vùng khác trong cả nước.

- Mặc dù chủ trương “sống chung với lũ và triều cường biển Đông” là một chủ trương đúng, mang nét đặc trưng riêng của vùng ĐBSCL mà nhiều thế hệ dân cư ở đây đã kiên định với nó, nhưng trên thực tế chúng ta đã và đang có những hành vi thái quá, thiếu sự kiểm chế trong cách hành xử với tự nhiên nói chung và với lũ nói riêng để rồi phải trả giá về sự suy thoái tài nguyên, môi trường sinh thái và sự hoành hành ngày càng nặng nề hơn của thiên tai, dịch bệnh... Ô nhiễm môi trường vì lạm dụng hoá chất trong nông nghiệp. Gia tăng chất thải mà thiếu giải pháp xử lý tương thích nên gây ô nhiễm môi trường nước trên diện rộng ở nhiều khu vực nuôi tôm, cá công nghiệp... Môi trường sinh thái không ít nơi bị biến dạng vì những “công trình ngọt hoá hoặc chống lũ triệt để” làm cho diễn biến thiên tai nặng nề hơn. Vết sinh môi trường ở các đô thị và các cụm điểm dân cư vượt lũ chưa được đảm bảo do chất thải sinh hoạt ngày càng gia tăng và chưa được thu gom, xử lý hết.

+ Các hạn chế, khó khăn trên đã có tác động lớn đến môi trường đầu tư của vùng ĐBSCL, mặc dù địa bàn vùng cách không xa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nhưng đến nay nhìn chung chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư nước ngoài có quy mô vốn lớn, công nghệ hiện đại.

(4) Tăng trưởng kinh tế chưa ổn định, vững chắc, chưa tương xứng với tiềm năng của Vùng, tỷ trọng nông nghiệp vẫn còn khá cao trong cơ cấu kinh tế. Kinh tế của Vùng chủ yếu vẫn phát triển theo chiều rộng, dựa vào khai thác

các tiềm năng sẵn có, việc áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất còn chậm, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm còn thấp. Cơ cấu lao động chuyển dịch chậm, tỷ lệ lao động trong khu vực nông, lâm, thủy sản vẫn còn cao, chiếm 59,7% trong tổng số lao động.

(5) Chuyển đổi cơ cấu sản phẩm nông nghiệp diễn ra chậm, chưa thực sự phản ánh lợi thế so sánh và chưa đáp ứng triển vọng nhu cầu trong tương lai. Trồng trọt vẫn chiếm trên 50% cơ cấu nội ngành nông nghiệp, trong đó lúa gạo vẫn chiếm tỷ trọng chính. Tuy chiếm phần lớn diện tích cây trồng hàng năm nhưng hiệu quả kinh tế của cây lúa đem lại không cao, vì vậy đã xuất hiện tình trạng nông dân không thiết tha với đất lúa, không thâm canh tăng vụ⁶

(6) Ngành thủy sản và ngành chăn nuôi phát triển nhanh, song thiếu bền vững. Năng suất vật nuôi còn thấp, giá thành chăn nuôi cao, thức ăn chăn nuôi phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu, mô hình chăn nuôi công nghiệp chưa phát triển, khả năng kiểm soát dịch bệnh còn yếu, kiểm soát thị trường và tổ chức kinh doanh kém... khiến nhiều hộ nuôi thủy sản ở vùng ĐBSCL “treo” ao, nhiều hộ chăn nuôi bỏ chuồng.

Sản xuất nông nghiệp vùng ĐBSCL đang xuất hiện những khó khăn ngày càng trầm trọng do nhiều thách thức mới xuất hiện. Một số thách thức mà ngành nông nghiệp trong Vùng đang phải đối mặt có thể kể đến như: Khả năng tái sản xuất mở rộng của nông dân giảm sút; rủi ro trong sản xuất nông nghiệp tăng; ô nhiễm và nguy cơ gây suy thoái môi trường; các nước trong khu vực đầu tư phát triển nông nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh; suy thoái kinh tế thế giới, nhu cầu thị trường thế giới sụt giảm đối với một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của vùng ĐBSCL, hộ gia đình và doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn...

⁶ Bộ GTVT – Viện Chiến lược và phát triển GTVT-Trung tâm nghiên cứu phát triển giao thông địa phương: “Báo cáo qui hoạch tổng thể vùng ĐBSCL ngày 20/12/2013”

3. Những gợi ý và giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn vùng ĐBSCL

Tuy nhu cầu tiêu dùng chung trên thế giới đang chững lại trong điều kiện khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng về lâu dài nông sản chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn luôn có thị trường và giá cả tốt. Trong vài chục năm tới, thị trường trong nước và xuất khẩu đều có triển vọng tốt cho sản xuất nông nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập ngày càng được đẩy mạnh, một khi sản xuất nông nghiệp chuyển sang hướng có giá trị gia tăng cao và chất lượng tốt thì cơ hội để vùng ĐBSCL liên kết với các doanh nghiệp và quốc gia khác để mở rộng thị trường nông sản là rất lớn.

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL trở thành vùng phát triển năng động, có cơ cấu kinh tế hiện đại, có đóng góp ngày càng lớn vào nền kinh tế của đất nước, góp phần quan trọng vào việc xây dựng cả vùng ĐBSCL giàu mạnh, các mặt văn hoá, xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước; bảo đảm ổn định chính trị và an ninh quốc phòng vững chắc.

Các mục tiêu cụ thể

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2015-2020 gấp khoảng 1,25 lần tốc độ tăng trưởng bình quân cả nước, Tăng tỷ lệ đóng góp của Vùng trong GDP của cả nước lên khoảng 13,3% năm 2020.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp xuống 15% năm 2020; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng lên 40% năm 2020; khu vực dịch vụ tăng lên 45% năm 2020.

- GDP bình quân đầu người đạt khoảng 3,000 USD vào năm 2020.

- Tăng giá trị xuất khẩu bình quân đầu người/năm lên 1,900 USD năm 2020.

- Tăng mức đóng góp của Vùng KTTĐ trong thu ngân sách trên địa bàn của vùng ĐBSCL lên khoảng 48% vào năm 2020.

- Đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ trong tiến trình hiện đại hoá, phấn đấu đạt bình quân 20%/năm.

- Nâng cao dần tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65% vào năm 2020.

- Phần đầu nâng tỷ lệ đô thị hoá của Vùng KTTĐ đạt 46% năm 2020.[4]

Để ĐBSCL đạt được các mục tiêu nêu trên, cần đẩy mạnh các định hướng và giải pháp chủ yếu như sau:

Thứ nhất, năm 2015, AFTA sẽ phát huy hết tác dụng, Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (*Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement* - viết tắt **TPP**) cùng với các Hiệp định thương mại song phương và đa phương khác đang đàm phán cũng sẽ mở ra những thời cơ mới. Các tiến bộ kỹ thuật được áp dụng ngày càng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp đem lại năng suất vật nuôi cây trồng và năng suất lao động ngày càng cao, mở ra khả năng chống chịu, thích nghi tốt với các bất lợi của môi trường... sẽ là những “nguyên liệu” quan trọng để xây dựng một cơ cấu nông nghiệp hiện đại.

Việc đương đầu với những khó khăn, thách thức và khai thác các thời cơ, thuận lợi trên gắn chặt với năng lực đổi mới cơ cấu ngành sản xuất nông nghiệp của Việt Nam ngay trong năm 2013 và các năm tới. Một mặt là triển vọng thay đổi tình hình một cách căn bản, chẳng những đối với ngành nông nghiệp và với cả nền kinh tế nước nhà, mặt khác nguy cơ bất ổn về chính trị - xã hội và suy thoái môi trường nếu ngành nông nghiệp tiếp tục giảm tăng trưởng.

Thứ hai, Bộ NN-PTNT đã chuẩn bị đề án tái cơ cấu ngành, theo tầm nhìn “tái cơ cấu nền kinh tế” của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI. Bộ NN-PTNT đã đề xuất các định hướng tái cơ cấu ngành như sau:

Chuyển từ sản xuất các nông sản có giá trị thấp và tiềm năng thị trường hẹp sang các sản phẩm có giá trị cao và tiềm năng thị trường lớn; chuyển từ tập trung đầu tư vào các công đoạn sản xuất sang đầu tư cả cho những khâu

tạo giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị sau thu hoạch; chuyển từ chỉ thúc đẩy sản xuất, kích cung sang hỗ trợ cầu; chuyển từ nông nghiệp thâm dụng tài nguyên sang nông nghiệp thâm dụng khoa học - công nghệ, huy động tài nguyên con người; chuyển từ nông hộ tiểu nông sang phát triển kinh tế hợp tác, chuyên môn hóa cao, gắn kết cả ngành hàng tại các vùng chuyên canh.

Thứ ba, nhanh chóng đưa các nguồn tài nguyên đang bị bỏ phí vào sản xuất nông nghiệp như đất ở các khu dự án công nghiệp thuộc dạng quy hoạch treo; khôi phục ngay các công trình thủy lợi tại các công trình thủy điện và khai khoáng không hiệu quả; huy động vật tư tồn kho (xi măng, sắt...) để xây dựng, phát triển giao thông nông thôn và thủy lợi nhỏ trong chương trình nông thôn mới... Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức khoa học - công nghệ nông nghiệp theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; huy động sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế vào các hoạt động khoa học - công nghệ nông nghiệp; phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân và doanh nghiệp, tăng kinh phí đầu tư cho khoa học - công nghệ và khuyến nông, đẩy mạnh triển khai cơ chế đấu thầu các đề tài nghiên cứu.

Thứ tư, tập trung đầu tư kết hợp cải tiến tổ chức, phát triển toàn diện bộ chuỗi ngành hàng (từ sản xuất, chế biến đến buôn bán) đối với những ngành có lợi thế như lúa gạo, cá da trơn ở ĐBSCL, cây ăn trái có giá trị cao tại các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu trọng điểm (theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng liên kết,...). Ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng, hệ thống dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh và hệ thống kho tàng, chế biến, vận chuyển, tiếp thị... nhằm nâng cao giá trị gia tăng và giảm giá thành nông sản.

Thứ năm, xây dựng hệ thống cảnh báo sớm nhằm phát hiện kịp thời các loại bệnh dịch nguy hiểm, nâng cao năng lực dự báo khí tượng thủy văn nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu; hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường, làm cơ sở cho công tác điều hành và dự báo thị trường; tiến hành bảo hiểm sản xuất nông nghiệp; xử lý dứt điểm, cổ phần hóa và sắp xếp lại các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp nhằm cải thiện hiệu quả sử dụng đất bằng cách làm rõ đối tượng quản lý và sử dụng có hiệu quả cao nhất..

Thứ sáu, Tiếp tục đầu tư mới, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, tạo mạng lưới giao thông thủy bộ, đường sắt và cảng hàng không liên kết nội và ngoại Vùng thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước cho vùng ĐBSCL, gia tăng hiệu quả vận tải hàng hóa, dịch vụ đáp ứng ngày càng cao nhu cầu phát triển vận tải hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp cho nội Vùng, thành phố Hồ Chí Minh, miền Đông Nam bộ và lan tỏa cả nước cũng như phục vụ xuất khẩu hàng hóa.

Thứ bảy, Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và toàn Vùng, trên cơ sở phát triển hiệu quả, toàn diện các khu vực đồng bằng, ven biển, và kinh tế biển, trong thế liên kết với các địa phương khác trong vùng ĐBSCL và hợp tác với các địa phương vùng khác trong cả nước, trước hết là vùng Đông Nam Bộ, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm nhanh tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ cả trong GDP và cơ cấu lao động.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long là một tất yếu khách quan trong tiến trình hội nhập và nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm hàng hóa nông nghiệp, khai thác có hiệu quả lợi thế cạnh tranh về sản xuất hàng hóa và phát triển bền vững của Vùng./.

